TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2021/DS-ST Ngày 22-10-2021 V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản giữa chị T và anh K, chị T1.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Nguyễn Văn Hà.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:*Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 08 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1971(*có mặt*)

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1981*(có mặt)*

Có vợ là chị Tạ Thị T1, sinh năm: 1982*(vắng mặt)*

Đều có địa chỉ tại: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh K, chị T: Luật sư Phạm Quang H – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (*có mặt*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1965*(vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N:

Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1963(*có mặt*)

Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/06/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị Tạ Thị T và chồng là anh Bùi Văn K đã nhiều lần mượn tiền của chị cụ thể: Ngày 22/10/2019 âm lịch(sau đây viết tắt là ÂL) vay số tiền 300.000.000 đồng, ngày 05/4/2020 ÂL vay số tiền 400.000.000 đồng và ngày 10/4/2020 ÂL vay số tiền là 300.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền vay là 1.000.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là 6 tháng của mỗi lần vay và tiền lãi là 1000 đồng/1 triệu/ngày. Đến nay chị T, anh K đã trả được tiền lãi theo thỏa thuận đối với các khoản vay đến ngày 30/05/2020 ÂL tức là 20/07/2020 dương lịch (sau đây viết tắt là DL) và sau khi thỏa thuận ở Công an huyện anh K, chị T1 đã trả thêm 15.300.000 đồng tiền lãi. Ngày 01/10/2020 tại công an huyện Nam Trực chị T1, anh K hứa sẽ trả đủ số tiền vay muộn nhất là ngày 01/3/2021 dù anh chị có bán được hay không bán được nhà. Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay chị T1 và anh K vẫn chưa trả tiền gốc và tiền lãi vì vậy chị đề nghị Tòa án xem xét buộc chị Tạ Thị T1 và anh Bùi Văn K phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 299.400.000 đồng(tính đến ngày 14/6/2021)và lãi suất cho đến thời điểm xét xử.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung như sau: Đối với khoản lãi từ ngày 30/05/2020 ÂL cho đến thời điểm xét xử đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 30/6/2021 và trong quá trình tố tụng bị đơn, chị Tạ Thị T1 trình bày: Vào khoản cuối năm 2017 và đầu năm 2018, vợ chồng chị có lên nhà chị T vay tiền đến thời điểm hiện nay tổng số tiền vay là 1.000.000.000 đồng. Trong quá trình vay, chị đã trả lãi đủ thỏa thuận, mỗi tháng là 30.000.000 đồng. Mỗi lần vay chị T yêu cầu chị viết giấy vay tiền bằng hình thức xin việc làm hoặc mua hộ đất, chị nói chủ yếu là hợp thức hóa khoản vay. Mỗi lần lên trả chị xé giấy đi và vay tiếp lại viết lại giấy. Và đến thời điểm khoảng tháng 5 năm 2020 chị đã trả đủ lãi. Sang đến tháng 6/2020, chị chậm lãi mấy ngày xin khất nhưng chị T không nghe làm đơn kiện chị khắp mọi nơi. Hai bên đã nhiều lần thỏa thuận nhưng chưa đi đến kết quả cuối cùng. Tại thời điểm này chị T nhiều lần làm nhục chị tại cơ quan làm việc, làm mất hết danh dự của chị và hiện tại chị rơi vào cảnh vỡ nợ không thể xoay sở nổi. Vì chị T bán bêu danh dự gia đình chị hiện tại chồng chị mất việc làm và chị T đang cố tình đẩy cả chị mất việc. Hướng giải quyết của chị sẽ bán nhà cho chị T nhưng không thể trả hết 1 lần được mà chị sẽ trả thành nhiều lần, tùy thuộc vào khả năng kinh tế của vợ chồng chị. Việc chị đã trả lãi cho chị T không có văn bản gì vì thường đứng ngoài đường để trả nên không có tài liệu thể hiện việc ký kết liên quan đến số tiền lãi đã trả. Sau khi hai bên làm việc bên công an huyện Nam Trực thống nhất trả lãi mỗi tháng là 4 triệu đối với số tiền vay là 500 triệu đồng theo lãi suất ngân hàng, 500 triệu còn lại chị T không tính lãi với điều kiện anh chị sẽ trả được tiền gốc vào ngày 01/3/2021 dương lịch. Vợ chồng chị đã trả đủ tiền lãi theo thỏa thuận trên của 4 tháng với tổng số tiền là 15.300.000

đồng bằng hình thức chuyển khoản cho chị T. Từ đó đến nay chưa trả khoản nào. Trước yêu cầu khởi kiện của chị Ty chị chưa có điều kiện để trả luôn chị xin trả dần theo điều kiện kinh tế, còn tiền lãi chị xin chị T từ tháng 6/2020 âm lịch cho đến thời điểm xét xử.

Tại bản trình bày ý kiến và đề nghị ngày 08/9/2021, chị T1 trình bày: Số tiền gốc 1.000.000.000 đồng mà chị T yêu cầu thanh toán là do chồng chị vay riêng của chị T để phục vụ việc kinh doanh của riêng anh K, bản thân chị không được có ý kiến và tham gia việc kinh doanh của chồng mà chỉ ký vào giấy tờ vay theo yêu cầu của chồng chị hoặc yêu cầu của chị T. Theo sự thú nhận của chồng chị thì việc vay tiền diễn ra nhiều lần trong thời gian dài theo cách thức gối đầu, có lần ký vay thì được nhận tiền, có lần ký vay không nhận tiền, có lần ký giấy vay thì lại không được nhận đúng số tiền theo giấy vay mà cộng gộp cả gốc và lãi theo kiểu lãi mẹ đẻ lãi con và cộng dồn, có lần chồng chị say rượu say xỉn vì buồn chán chuyện làm ăn thua lỗ nhưng chị T vẫn yêu cầu chồng chị ký giấy vay nợ theo ý đồ của chị. Có những giai đoạn chồng đã bị trầm cảm vì chuyện kinh doanh thất bại thua lỗ và chuyện bị trả lãi nặng mà bị thất lạc chứng cứ để chứng minh. Trước đây, tại Công an huyện và giai đoạn Tòa án hòa giải chồng chị không dám nói hết ra các vấn đề này vì chồng chị sĩ diện nên đã trả lời qua quýt cho qua chuyện và chồng chị còn bắt ép chị phải trình bày theo ý muốn của chồng chị và anh qua gia trưởng. Tuy nhiên, sau đó thấy bà Thúy gửi đơn đến cơ quan chị xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của chị và gây ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan chị nên hiện nay chồng chị đã nói ra và công nhận sự thật. Việc vay tiền và sử dụng tiền của chị T là trách nhiệm của riêng chồng chị, chị không hề sử dụng bất kỳ đồng tiền nào trong toàn bộ số tiền mà chồng chị vay của chị T. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án chỉ xác định chị là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, còn bị đơn duy nhất là chồng chị và anh sẽ trách nhiệm trả nợ cho chị T theo quy định của pháp luật, chị không có bất cứ nghĩa vụ gì đối với chị T. Số tiền lãi 314.700.000 đồng mà chị T đòi chồng chị là không đúng quy định của pháp luật, theo chồng chị kể lại thì do chồng chị thiếu hiểu biết pháp luật nên đã tham gia vào giao dịch vay tiền với lãi suất trái pháp luật, khi cho vay bà T nói là giao dịch cho vay đúng pháp luật thì chồng chị mới vay. Nay chị đề nghị Tòa án áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự quy định về lãi suất để giải quyết vướng mắc về vay nợ giữa bà T và chồng chị.

Tại phiên tòa, chị T1 vắng mặt và đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 30/6/2021 và trong quá trình tố tụng bị đơn, anh Bùi Văn K trình bày: Khoảng cuối năm 2017 đầu năm 2018 vợ chồng anh có vay của chị T và số nợ hiện tại là 1.000.000.000 đồng. Phương hướng trả nợ hiện vợ chồng anh khó khăn xin khất trả dần và nếu bán được nhà anh sẽ trả nợ cho chị T nhưng trả làm nhiều lần tùy thuộc vào kinh tế của gia đình vì anh nợ rất nhiều người không riêng gì chị T. Quá trình trả nợ và thỏa thuận vợ anh đã trình bày. Anh chị không có tài liệu gì thể hiện việc vợ chồng vay tiền của chị T vào cuối năm 2017 và đầu năm 2018. Đối với chữ ký trong các văn bản: hợp đồng mua hộ đất ngày 22/10/2019 ÂL, Giấy giao nhận tiền xin việc làm ngày 10/4/2020 ÂL và Giấy giao nhận tiền xin việc làm ngày 05/4/2020 ÂL là chữ ký của hai vợ chồng anh. Sau khi hai bên làm việc bên Công an huyện Nam Trực thống nhất trả lãi mỗi tháng là

4.000.000 đồng. Vợ chồng anh chị đã trả đủ 4 tháng là 15.300.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Từ đó đến nay chưa thanh toán khoản nợ nào. Tại bản trình bày ý kiến và đề nghị ngày 08/9/2021, anh K trình bày: số tiền gốc 1.000.000.000 đồng là do anh vay riêng để phục vụ kinh doanh của riêng anh(vợ anh không được ý kiến và tham gia về việc kinh doanh của anh, chỉ ký vào các giấy tờ vay theo yêu cầu của anh và yêu cầu của chị T. Việc vay tiền diễn ra nhiều lần trong thời gian dài theo cách thức gối đầu, có lần ký vay thì được nhận tiền, có lần ký vay không nhận tiền, có lần ký giấy vay thì lại không được nhận đúng số tiền theo giấy vay mà cộng gộp cả gốc và lãi theo kiểu lãi mẹ đẻ lãi con và cộng dồn, có lần anh say rượu say xỉn vì buồn chán chuyện làm ăn thua lỗ nhưng chị T vẫn yêu cầu anh ký giấy vay nợ theo ý đồ của chị. Có những giai đoạn anh đã bị trầm cảm vì chuyện kinh doanh thất bại thua lỗ và chuyện bị trả lãi nặng mà bị thất lạc chứng cứ để chứng minh. Trước đây, tại Công an huyện và giai đoạn Tòa án hòa giải vì sĩ diện không dám nói hết ra các vấn đề này nên đã trả lời qua quýt cho qua chuyện và còn bắt ép chị Tâm phải trình bày theo ý muốn của anh vì anh quá gia trưởng. Tuy nhiên, sau đó thấy bà T gửi đơn đến cơ quan chị T1 xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của chị T1 và gây ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan chị T1 nên hiện nay cần nói ra sự thật. Việc vay tiền và sử dụng tiền của chị T là trách nhiệm của riêng anh, chị T1 không hề sử dụng bất kỳ đồng tiền nào trong toàn bộ số tiền mà anh vay của chị T. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án chỉ xác định chị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, còn bị đơn duy nhất là anh và anh sẽ trách nhiệm trả nợ cho chị T theo quy định của pháp luật, chị T1 không có bất cứ nghĩa vụ gì đối với chị T. Số tiền lãi 314.700.000 đồng mà chị T đòi anh là không đúng quy định của pháp luật do anh thiếu hiểu biết pháp luật nên đã tham gia vào giao dịch vay tiền với lãi suất trái pháp luật, khi cho vay bà T nói là giao dịch cho vay đúng pháp luật thì anh mới vay. Nay anh đề nghị Tòa án áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự quy định về lãi suất để giải quyết vướng mắc về vay nợ giữa bà T và anh.

Tại phiên tòa, anh K trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ giải quyết và kiến nghị Công an huyện Nam Trực khởi tố vụ án "Vu khống" đối với hành vi của chị T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T1, anh K có ý kiến: Việc chị T biết các văn bản viết nhằm hợp thức hóa việc vay tiền nhưng vẫn dùng để tố cáo tại Công an huyện Nam Trực. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án và kiến nghị Công an huyện Nam Trực khởi tố vụ án "Vu khống" đối với hành vi của chị T.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N chị Nguyễn Thị T2 trình bày: Chị nhất trí với ý kiến trình bày của chị T

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 124, 463, 466,468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc anh Bùi Văn K và chị Tạ Thị T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho chị Nguyễn Thị T và chồng là anh Nguyễn Văn N, số tiền gồm là 940.871.400 đồng tiền gốc và 236.206.000 đồng tiền lãi. Tổng nợ gốc và lãi phải trả là 1.177.077.400 đồng. Anh K cùng vợ là chị T1 chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tạ Thị T1 có được xin giải quyết vắng mặt. Anh Nguyễn Văn N vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về việc chị Tạ Thị T1, anh Bùi Văn K đề nghị Tòa án xác định chị T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy: Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2021, nguyên đơn chị T đã khởi kiện chị T1. Vì vậy, xác định chị Tạ Thị T1 là bị đơn phù hợp với quy định của khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung của hợp đồng vay tài sản: Chị T1, anh K cho rằng giữa vợ chồng anh chị và chị T có nhiều lần vay mượn tiền từ cuối năm 2017 ÂL đến năm 2018 ÂL, tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xem xét. Giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn K có vợ là Tạ Thị T1 chỉ thỏa thuận và ký kết thừa nhận hợp thức hóa các khoản vay bằng văn bản có tiêu đề "hợp đồng mua hộ đất" ngày 22/10/2019 ÂL(tức ngày 18/11/2019 DL), "Giấy giao nhận tiền xin việc làm" ngày 10/4/2020 ÂL(tức là ngày 02/5/2020 DL) và "Giấy giao nhận tiền xin việc làm" ngày 05/4/2020 ÂL(tức là ngày 27/04/2020 DL) do chị T xuất trình. Các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu giao dịch dân sự khác. Căn cứ Điều 124 Bộ luật dân sự xác định giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực pháp luật. Trên cơ sở nội dung các bên ký kết, căn cứ theo Điều 463, 470 Bộ luật dân sự thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Hợp đồng đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi người có đủ năng lực, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản này là hợp pháp và là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản: Chị T1, anh K cho rằng số tiền trên là do anh K vay và bắt chị ký vào biên bản. Anh K cho rằng mình có lần ký vay thì được nhận tiền, có lần ký vay không nhận tiền, có lần ký giấy vay thì lại không được nhận đúng số tiền theo giấy vay mà cộng gộp cả gốc và lãi theo kiểu lãi mẹ đẻ lãi con và cộng dồn, có lần anh say rượu say xỉn vì buồn chán chuyện làm ăn thua lỗ nhưng chị T vẫn yêu cầu anh ký giấy vay nợ theo ý đồ của chị. Có

những giai đoạn anh đã bị trầm cảm vì chuyện kinh doanh thất bại thua lỗ và chuyện bị trả lãi nặng mà bị thất lạc chứng cứ để chứng minh. Chị T cung cấp hình ảnh chị T1 và anh K đang giao dịch tại nhà chị. Bản thân anh K cũng xác nhận chị T1 có biết việc vay mượn. Đồng thời, chị T1 có chứng kiến, ký văn bản và tham gia nhận tiền cùng anh K. Ngoài ra, anh K cho biết chị T1 tuy không tham gia kinh doanh nhưng biết việc kinh doanh vì mục đích chung cho gia đình nên cần xác định khoản nay này là nghĩa vụ chung của anh K và chị T1 là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, chị T đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giao cho anh K và chị T1 ba lần với tổng số tiền vay là 1.000.000.000(Một tỷ đồng). Anh K có vợ là chị T1 đã nhận đủ số tiền nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Đến thời điểm hiện nay, anh K có vợ là chị T1 chưa trả được số tiền gốc nào cho chị T. Ngoài ra, anh K có vợ là chị T1 đã trả được số tiền lãi theo thỏa thuận đối với số tiền vay 300.000.000 đồng từ ngày 18/11/2019 DL đến 20/07/2020 DL là 73.500.000 đồng cùng với số tiền lãi theo thỏa thuận đối với số tiền vay 400.000.000 đồng từ ngày 27/04/2020 DL đến ngày 20/07/2020 DL là 33.600.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận đối với số tiền vay 300.000.000 đồng từ ngày 02/5/2020 DL đến ngày 20/07/2020 DL là 23.700.000 đồng. Ngoài ra sau khi thỏa thuận ở Công an huyện Nam Trực, anh K có vợ là chị T1 đã trả được số tiền lãi là 15.300.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Còn số tiền lãi từ ngày 20/07/2020 DL đến ngày xét xử với số tiền gốc 1.000.000.000 đồng vẫn chưa thanh toán. Mặc dù, chị T đã đôn đốc nhiều lần nhưng anh K có vợ là chị T1 chưa trả cả gốc lẫn lãi .

[4] Về số tiền lãi mà chị T đã nhận của anh K có vợ là chị T1: Việc các đương sự thỏa thuận mức lãi suất thỏa thuận là 1.000 đồng/1 triệu/1 ngày vào các ngày 18/11/2019, 27/04/2020 và 02/5/2020 dương lịch. Chị T đã nhận tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trên tương ứng với thời gian vay và số tiền vay đến ngày 20/7/2020 DLvới số tiền là 130.800.000 đồng. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm. Cho nên, số tiền lãi mà chị T chỉ được nhận tương ứng với từng khoản vay theo quy định của pháp luật là 71.671.400 đồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì số tiền lãi mà chị Thúy đã nhận vượt quá mức lãi suất theo quy định là 59.128.600 đồng (130.800.000đồng– 71.671.400đồng=59.128.600 đồng) sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc. Đối với khoản tiền lãi mà các bên thỏa thuận tại Công an huyện Nam Trực vào ngày 01/10/2020, chị T cho rằng việc thỏa thuận mức lãi trên chỉ được thực hiện khi anh K, chị T1 trả cho chị số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng vào ngày 01/3/2021 là có căn cứ. Số tiền lãi mà chị T1, anh K đã trả là 15.300.000 đồng sẽ được đối trừ vào số tiền lãi mà anh chị còn phải trả cho chị T.

[5] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của chị T là có cơ sở nên được chấp nhận. Khoản tiền vay phát sinh khi anh N và chị T đang là vợ chồng nên buộc anh K cùng vợ là T1 phải trả cho chị T và chồng là anh N số tiền gốc là 940.871.400 đồng (1.000.000.000 đồng tiền gốc – 59.128.600 đồng lãi vượt quá = 940.871.400 đồng). Đồng thời, anh K cùng vợ là T1 phải trả số

tiền lãi đối với số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng từ ngày 20/07/2020 DL đến ngày xét xử (22/10/2021DL) trừ đi số tiền lãi mà anh K, chị T1 đã chuyển khoản cho chị T là 236.206.000 đồng (251.506.000 đồng – 15.300.000 đồng). Như vậy, tổng số tiền mà anh Bùi Văn K liên đới cùng vợ là Tạ Thị T1 phải trả cho chị Nguyễn Thị T và chồng là anh Nguyễn Văn N là 940.871.400 đồng tiền gốc và 236.206.000 đồng tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 466 và 470 Bộ luật dân sự.

[7] Đối với đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ giải quyết vụ án và kiến nghị Cơ quan điều tra khởi tố đối với hành vi có dấu hiệu phạm tội "Vu khống" đối với chị T. Hội đồng xét xử thấy: Việc giải quyết vụ án không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết đơn tố giác của đương sự. Ngoài ra với những chứng cứ hiện có trong hồ sơ không đủ căn cứ để kiến nghị. Vì vậy, anh K chị T1 có quyền đề nghị cơ quan Công an huyện Nam Trực xem xét theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của chị Thúy được chấp nhận nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, cần hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho chị T. Anh Bùi Văn K liên đới cùng vợ là Tạ Thị T1 có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 1.177.077.400đồng. Tổng số tiền án phí phải nộp là 36.000.000 đồng + (377.077.400 đồng x 3%) = 47.312.300 đồng.

[8]Về quyền kháng cáo: Chị T, anh N, chị T2, anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 124, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc anh Bùi Văn K và chị Tạ Thị T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho chị Nguyễn Thị T và chồng là anh Nguyễn Văn N, số tiền gồm là 940.871.400 đồng tiền gốc và 236.206.000 đồng tiền lãi. Tổng nợ gốc và lãi phải trả là 1.177.077.400 đồng(Một tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm bẩy mươi bẩy nghìn, bốn trăm đồng).

2. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc

kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Văn K cùng vợ là chị Tạ Thị T1 phải nộp 47.312.300 đồng.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 25.720.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000472 ngày 17/06/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Chị T, anh N, chị T2, anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Nguyễn Thị T có chồng là anh Nguyễn Văn N và anh Bùi Văn K có vợ là Tạ Thị T1 có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Mạnh Cường